

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Số: 6352/BTNMT-CNTT

V/v triển khai cơ chế Một cửa quốc gia và công khai Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phé liệu làm nguyên liệu sản xuất

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Hà Nội, ngày 19 tháng 11 năm 2018*

- Kính gửi:
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
 - Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Thực hiện Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về một số giải pháp cấp bách tăng cường công tác quản lý đối với hoạt động nhập khẩu và sử dụng phé liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất; Quyết định số 1254/QĐ-TTg ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch hành động thúc đẩy Cơ chế một cửa quốc gia, Cơ chế Một cửa ASEAN, cải cách công tác kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa nhập khẩu và tạo thuận lợi thương mại giai đoạn 2018-2020, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành Văn bản số 4418/BTNMT-CNTT ngày 16 tháng 8 năm 2018 đề nghị các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (viết tắt là các tỉnh, thành phố) chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường cập nhật đầy đủ thông tin về các Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phé liệu làm nguyên liệu sản xuất (viết tắt là Giấy xác nhận) do địa phương đã cấp vào cơ sở dữ liệu để công khai trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Cổng thông tin Một cửa quốc gia. Tính đến thời điểm hiện nay đã có 42 tỉnh, thành phố có báo cáo và cập nhật thông tin dữ liệu, 21 tỉnh, thành phố chưa thực hiện công việc này (chi tiết tại Phụ lục kèm theo văn bản này).

Để triển khai thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 27/CT-TTg, Quyết định số 1254/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài nguyên và Môi trường đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố đôn đốc và chỉ đạo thực hiện các công việc sau:

- Cập nhật thường xuyên, kịp thời danh sách các tổ chức, cá nhân được cấp Giấy chứng nhận/Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phé liệu làm nguyên liệu sản xuất... trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Cổng thông tin Một cửa quốc gia. Đối với 21 tỉnh, thành phố chưa thực hiện cập nhật và công khai các Giấy xác nhận đã cấp, khẩn trương thực hiện các nội dung công việc theo hướng dẫn tại văn bản 4418/BTNMT-CNTT, hoàn thành trong tháng 11 năm 2018.

- Chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị có liên quan phối hợp với đơn vị đầu mối của Bộ để tiếp nhận hệ thống Một cửa quốc gia triển khai tại địa phương, giải quyết các hồ sơ thuộc thẩm quyền được thực hiện theo Cơ chế Một cửa quốc gia cho các thủ tục hành chính liên quan đến cấp Giấy xác nhận khi hệ

thống vận hành chính thức. Đối với các hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích phải được cập nhật và công khai đầy đủ thông tin. Giấy xác nhận theo hướng dẫn tại văn bản số 4418/BTNMT-CNTT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Bộ Tài nguyên và Môi trường giao Cục Công nghệ thông tin và Dữ liệu tài nguyên môi trường là đơn vị đầu mối để phối hợp triển khai các công việc trên tại địa phương. Thông tin chi tiết như sau:

- Liên hệ để cập nhật và công khai Giấy xác nhận: Ông Nguyễn Tuấn Anh, số điện thoại: 0978336989, email: ntanh_ccntt@monre.gov.vn;

- Liên hệ để triển khai hệ thống Một cửa Quốc gia/Một cửa ASEAN ngành tài nguyên và môi trường: Ông Đinh Hải Dương, số điện thoại: 0984585282, email: dhduong_ccntt@monre.gov.vn;

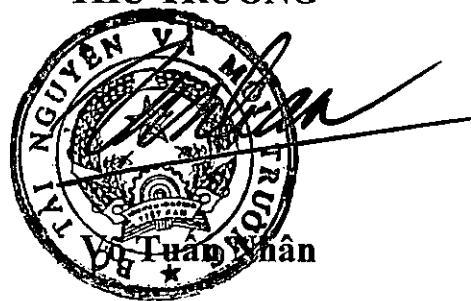
- Liên hệ bộ phận hỗ trợ kỹ thuật: Số điện thoại (024) 37.548.925, email: dvctt@monre.gov.vn.

Đây là các công việc quan trọng, cấp bách để thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường khẩn trương, nghiêm túc thực hiện./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**

Nơi nhận:

- Nhu trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Bộ trưởng (để báo cáo)
- Ủy ban 1899 (để báo cáo);
- Cục CNTT&DLTNMT, TC Môi trường;
- Lưu: VT, VP.



**PHỤ LỤC: TỔNG HỢP TÌNH HÌNH CẬP NHẬT, CÔNG KHAI GIẤY XÁC NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG NHẬP KHẨU PHẾ LIỆU**
*(Kèm theo Công văn số 6352/BTNMT-CNTT ngày 19 tháng 11 năm 2018
 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

| TT | Tên | Số lượng Giấy xác nhận đã công khai |
|-----------|---|-------------------------------------|
| A | Các địa phương đã gửi báo cáo và cập nhật dữ liệu | |
| I | Các địa phương báo cáo chưa cấp Giấy xác nhận | |
| 1 | Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Giang | |
| 2 | Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sơn La | |
| 3 | Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Yên Bái | |
| 4 | Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn | |
| 5 | Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Trị | |
| 6 | Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Ninh Thuận | |
| 7 | Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh KonTum | |
| 8 | Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đăk Nông | |
| 9 | Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng | |
| 10 | Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang | |
| 11 | Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu | |
| 12 | Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Gia Lai | |
| II | Các địa phương đã cấp và cập nhật, công khai thông tin Giấy xác nhận | |
| 13 | Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Ninh | 04 |
| 14 | Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre | 01 |
| 15 | Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Định | 01 |
| 16 | Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương | 07 |
| 17 | Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Thuận | 02 |
| 18 | Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau | 01 |
| 19 | Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ | 06 |
| 20 | Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đăk Lăk | 01 |
| 21 | Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp | 02 |
| 22 | Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hải Dương | 06 |
| 23 | Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hải Phòng | 05 |
| 24 | Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Tĩnh | 06 |
| 25 | Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh thành phố Hồ Chí Minh | 04 |
| 26 | Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hòa Bình | 01 |
| 27 | Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hưng Yên | 05 |
| 28 | Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kiên Giang | 03 |
| 29 | Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lào Cai | 01 |

| | | |
|----------|--|----|
| 30 | Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An | 06 |
| 31 | Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Nam Định | 13 |
| 32 | Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Ninh Bình | 03 |
| 33 | Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Thọ | 05 |
| 34 | Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Yên | 01 |
| 35 | Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ninh | 02 |
| 36 | Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng | 02 |
| 37 | Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Bình | 01 |
| 38 | Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thanh Hóa | 03 |
| 39 | Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc | 03 |
| 40 | Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu | 13 |
| 41 | Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang | 05 |
| 42 | Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng | 02 |
| B | Các địa phương chưa báo cáo, chưa cập nhật | |
| 1 | Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội | |
| 2 | Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cao Bằng | |
| 3 | Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Kạn | |
| 4 | Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tuyên Quang | |
| 5 | Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên | |
| 6 | Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lai Châu | |
| 7 | Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Nguyên | |
| 8 | Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang | |
| 9 | Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam | |
| 10 | Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Nghệ An | |
| 11 | Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình | |
| 12 | Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế | |
| 13 | Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam | |
| 14 | Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi | |
| 15 | Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Khánh Hòa | |
| 16 | Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước | |
| 17 | Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh | |
| 18 | Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai | |
| 19 | Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hậu Giang | |
| 20 | Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh | |
| 21 | Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long | |